

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO 1
10/03/2026

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2026/NĐ-CP
ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành
một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành
Luật An toàn thực phẩm**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật An toàn thực phẩm.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật An toàn thực phẩm

1. Bổ sung khoản 11 vào Điều 19 như sau:

“11. Nguyên liệu, bán thành phẩm sản xuất nhập khẩu (sản phẩm ban đầu), dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm chỉ dùng để phục vụ cho việc sản xuất của tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm ban đầu và không tiêu thụ sản phẩm ban đầu tại thị trường trong nước;”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 21 như sau:

“2. Kiểm tra thông thường: thực hiện kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực trạng hàng hóa và lấy mẫu kiểm nghiệm chỉ tiêu chất lượng, an toàn thực phẩm lựa chọn từ các nhóm chỉ tiêu chất lượng, an toàn thực phẩm trong hồ sơ.

Căn cứ vào bản chất thành phần cấu tạo, lịch sử chất lượng của mặt hàng, quá trình vận chuyển, bảo quản của mặt hàng, lịch sử nhập khẩu của chủ hàng, xuất xứ của mặt hàng, hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng của mặt hàng, cơ quan kiểm tra nhà nước lựa chọn chỉ tiêu chất lượng, an toàn thực phẩm từ các nhóm chỉ tiêu chất lượng, an toàn thực phẩm trong hồ sơ.

Chấp nhận Phiếu kết quả kiểm nghiệm đối với lô sản phẩm nhập khẩu đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm thay vì lấy mẫu kiểm nghiệm chỉ tiêu chất lượng, an toàn thực phẩm.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Hồ sơ tự công bố đối với sản phẩm thuộc diện tự công bố theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm còn hiệu lực kèm theo Tiêu chuẩn sản phẩm hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc thông số kỹ thuật của cơ sở sản xuất; Hồ sơ công bố hợp quy đối với sản phẩm thuộc diện công bố hợp quy; Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm thuộc diện công bố tiêu chuẩn áp dụng; hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đối với sản phẩm thuộc diện đăng ký bản công bố sản phẩm (Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, bản công bố sản phẩm, nhãn, bản tiêu chuẩn sản phẩm); bản Tiêu chuẩn sản phẩm hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc thông số kỹ thuật của cơ sở sản xuất đối với sản phẩm không thuộc diện công bố hợp quy, công bố tiêu chuẩn áp dụng và đăng ký bản công bố sản phẩm. Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp, tổ chức, cá nhân nộp bản sao có đóng dấu xác nhận của tổ chức, cá nhân hoặc bản sao điện tử được chứng thực.

Tiêu chuẩn sản phẩm hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc thông số kỹ thuật của cơ sở sản xuất phải bao gồm các thông tin tối thiểu sau: tên sản phẩm; thành phần cấu tạo; tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất; quy cách đóng gói; chỉ tiêu chất lượng và chỉ tiêu an toàn;”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Hồ sơ tự công bố đối với sản phẩm thuộc diện tự công bố theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm còn hiệu lực kèm theo Tiêu chuẩn sản phẩm hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc thông số kỹ thuật của cơ sở sản xuất; Hồ sơ công bố hợp quy đối với sản phẩm thuộc diện công bố

hợp quy; Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm thuộc diện công bố tiêu chuẩn áp dụng; Hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đối với sản phẩm thuộc diện đăng ký bản công bố sản phẩm (Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, bản công bố sản phẩm, nhãn, bản tiêu chuẩn sản phẩm); Tiêu chuẩn sản phẩm **hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc thông số kỹ thuật của cơ sở sản xuất** đối với sản phẩm không thuộc diện công bố hợp quy, công bố tiêu chuẩn áp dụng và đăng ký bản công bố sản phẩm. Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp, tổ chức, cá nhân nộp bản sao có đóng dấu xác nhận của tổ chức, cá nhân hoặc bản sao điện tử được chứng thực.

Tiêu chuẩn sản phẩm hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc thông số kỹ thuật của cơ sở sản xuất phải bao gồm các thông tin tối thiểu sau: tên sản phẩm; thành phần cấu tạo; tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất; quy cách đóng gói; chỉ tiêu chất lượng và chỉ tiêu an toàn;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Hồ sơ tự công bố đối với sản phẩm thuộc diện tự công bố theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm còn hiệu lực kèm theo Tiêu chuẩn sản phẩm hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc thông số kỹ thuật của cơ sở sản xuất; Hồ sơ công bố hợp quy đối với sản phẩm thuộc diện công bố hợp quy; Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm thuộc diện công bố tiêu chuẩn áp dụng; Hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đối với sản phẩm thuộc diện đăng ký bản công bố sản phẩm (Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, bản công bố sản phẩm, nhãn, bản tiêu chuẩn sản phẩm); Tiêu chuẩn sản phẩm **hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc thông số kỹ thuật của cơ sở sản xuất** đối với sản phẩm không thuộc diện công bố hợp quy, công bố tiêu chuẩn áp dụng và đăng ký bản công bố sản phẩm. Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp, tổ chức, cá nhân nộp bản sao có đóng dấu xác nhận của tổ chức, cá nhân hoặc bản sao điện tử được chứng thực.

Tiêu chuẩn sản phẩm hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc thông số kỹ thuật của cơ sở sản xuất phải bao gồm các thông tin tối thiểu sau: tên sản phẩm; thành phần cấu tạo; tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất; quy cách đóng gói; chỉ tiêu chất lượng và chỉ tiêu an toàn;

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 54 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Đối với sản phẩm đã tự công bố trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Tổ chức, cá nhân được tiếp tục sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu sản phẩm cho đến khi hoàn thành việc đăng ký bản công bố hợp quy. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoàn thành việc đăng ký bản công bố hợp quy theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

b) Tổ chức, cá nhân được tiếp tục sử dụng nhãn sản phẩm đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Quyết định giao hoặc chỉ định cơ quan kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu của bộ quản lý ngành đã ban hành trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành sẽ có hiệu lực đến hết **ngày 30 tháng 9 năm 2026.**”

c) Bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Đối với nhóm thực phẩm bổ sung và có bản tự công bố còn hiệu lực thi hành không phải đăng ký nội dung quảng cáo theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.”

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật An toàn thực phẩm

Bãi bỏ khoản 1 Điều 53.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này và Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật An toàn thực phẩm có hiệu lực thi hành **sau 90 ngày kể từ ngày ký ban hành** Nghị định này.

2. Trường hợp quy định tại điểm ... khoản ... Điều ... Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 202...

3. Điều khoản chuyển tiếp

4. Nghị định này bãi bỏ:

5. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).vt.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính